TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:409/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 11-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/ Bà **Huỳnh Thị Châu**

2/ bà **Huỳnh Ngọc Hoa**

- *Thư ký phiên tòa*: bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/ 2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** – sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Số E2/052, ấp N S, xã Q Tr, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thiện T**– sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Số nhà 11/3G, ấp V D 2, xã G K, huyện T N, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*:

+ Bà **Phạm Thị Kh** – sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số E2/052, ấp N S, xã Q Tr, huyện T N, tỉnh Đồng Nai

(chị B có mặt; anh T, bà Kh vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị B và anh T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn, được UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 220/KH ngày 11/11/2011, việc kết hôn giữa chị B và anh T là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều đêm anh Tâm đi nhậu về muộn còn chửi vợ con, nhiều lần anh T dùng dao đe dọa giết chị.

Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay, anh T hay ghen tuông vô cớ nghi ngờ chị B không chung thủy.

Do vậy, từ đầu năm 2014, chị B đã về nhà mẹ ruột sống tại số E2/052 ấp N S, xã Q Tr đến nay. Trong thời gian này, anh T vẫn không thay đổi. Nhận thấy tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy, nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thiện T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quỳnh Bích Ng – sinh ngày 04/10/2012. Hiện con chung sống với chị B, hiện nay chị đang làm công nhân may tư nhân, thu nhập được khoảng 5.000.000 đồng mỗi tháng. Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thiện T trình bày:

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như lời trình bày của chị B là đúng sự thật

Anh T và chị B tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn, được UBND xã Q Tr, huyện Th N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 220/KH quyển số 01/2011 vào ngày 11/11/2011, việc kết hôn giữa anh T và chị B là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Anh T thừa nhận thời gian khoảng 3 năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian sau đó thấy cô B hay bắt bẻ anh những chuyện không đáng những lần anh đi về khuya, thời gian sau đó anh thấy chị B hay vắng nhà không lý do, từ đó vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn.

Từ tháng 12/2014, một lần hai vợ chồng tranh cãi thì chị B bỏ đi cho đến nay. Anh T tìm hiểu thì biết chị B về sài gòn sống. Anh không đồng ý với việc xin ly hôn của chị B vì anh còn yêu thương vợ con, anh biết chị B chỉ hiểu lầm anh, không cho anh cơ hội giải thích. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu xin ly hôn của chị B.

Anh T đang làm rẫy và chăn nuôi, thu nhập hàng tháng được khoảng 7.000.000 đồng, thực tế thu nhập sao anh khai vậy chứ không có già chứng minh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị B khai là đúng, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị B thì anh T xin được trực tiếp nuôi cháu Ng, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không

chấp hành pháp luật, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập; về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho chị B và anh T được ly hôn. Về con chung, đề nghị HĐXX tạm giao cháu Trần Quỳnh Bích Ng cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đề nghị HĐXX buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn anh Trần Thiện T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B thì thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, hôn nhân của chị B và anh T phù hợp với các Điều 9; 11; 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của chị B và anh T thừa nhân: Từ khoảng tháng 12 năm 2014 đến nay, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T nghi ngờ chị B không chung thủy.

Từ tháng 12 năm 2014, chị B về nhà mẹ ruột sống đến nay. Còn anh T sống số 11/3G ấp V D 2, xã G K. Chị B và anh T không còn sự quan tâm, không yêu thương nhau, không ai thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, mạnh ai người đó sống, vợ chồng sống ly thân nhau gần 4 năm nay.

Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến tham gia hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh Tđều vắng mặt, thể hiện anh T không có thiện chí về đoàn tụ gia đình.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có một con chung là cháu Trần Quỳnh Bích Ng – sinh ngày 04/10/2012. Hiện nay cháu vẫn đang được chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, xét cần giao cháu Ng cho chị B chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét anh T không trực tiếp nuôi con, hiện anh đang làm rẫy và có thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng. Do vậy, cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị B mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Ng thành niên, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con.

[5] Về tài sản: Chị B, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Buộc Chị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chị B đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; 11; 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 106; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Thiện T được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Quỳnh Bích Ng – sinh ngày 04/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Trần Thiện T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quỳnh Bích Ng cùng chị B mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở…

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Chị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 008565 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí, chị B đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Thiện T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn (chị B) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn (anh T) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã G T 2;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang phúc